

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 165/2019/HS-ST

Ngày 28/11/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Việt Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Oanh – Bà Đồng Thị Thanh Hương

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Linh Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2019/HS-ST, ngày 06/11/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2019/QĐXXST-HS ngày 14/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Văn P**, sinh năm 1984, Nơi ĐKNKTT: số 1023, đường T, phố 12, phường V, thành phố N, tỉnh N. Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn Q và con bà: Phan Thị V ; Vợ: Hồ Thị N, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 04/06/2002 công an thị xã N (nay là Thành phố N) bắt, lập DCB số 931 về việc Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Ngày 19/09/2002 công an thị xã N (nay là Thành phố N) bắt, lập DCB số 931 về việc Vào cơ sở giáo dục.

+ Ngày 25/07/2017 Công an Thành phố N ra Quyết định số 185 xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000đ về hành vi “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo chưa thi hành khoản tiền phạt này.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/08/2019 đến ngày 13/08/2019 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đặng Như H**, sinh năm:1980, địa chỉ: số nhà 11, ngách 46/45, đường H, phố V, phường N, Thành phố N, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Như H (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị B; Vợ: Chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị T; con: có 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Tiền sự : Không.

Nhân thân: Ngày 02/08/2017 Công an phường N, Thành phố N, tỉnh N ra quyết định xử phạt vi hành chính, phạt cảnh cáo về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/08/2019 đến ngày 13/08/2019 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phan Thị V**, sinh năm: 1955

Nơi ĐKKHTT: phố 12, phường V, thành phố N, tỉnh N. Chỗ ở hiện nay: thôn P, xã N, thành phố N, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do(có mặt)

4. Người chứng kiến:

- Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1968

- Anh **Phạm Đức T**, sinh năm: 1985

(Anh H, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Trương Văn P, Đặng Như H là bạn bè và đều là người nghiện ma túy. Khoảng 21 giờ ngày 09/8/2019 P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1 - 222.03 từ nhà tại thôn P, xã N, thành phố N đến nhà Đặng Như H ở số nhà 11, ngách 46/45, đường H, phố V, phường N, thành phố N chơi. Do có nhu cầu sử dụng ma túy, bị cáo P nói với bị cáo H “*em có 150.000 đồng, anh có tiền không, anh em mình mua đá về chơi*”, do không có tiền nên H bảo P chờ đi tìm người vay tiền. Sau đó P chở H đến khu vực Cống Bơm, phường N, thành phố N, H đi bộ vào một quán bia gặp bạn tên là H1 vay được số tiền 50.000 đồng. Sau khi H vay được tiền, cả hai đi sang khu vực xã Y, huyện Ý , tỉnh N để mua ma túy. Trên đường đi H và P góp tiền mua ma túy về sử dụng chung. Khi đi đến khu vực đường Quốc lộ 10 thuộc xã Y, huyện Ý , tỉnh N, H bảo P dừng xe ở ven đường đợi, H xuống xe đi

bộ đến một ngôi nhà cách chỗ P đứng chờ khoảng 10 mét đưa qua cửa sổ tiền 200.000 đồng và hỏi mua 01 gói ma túy đá. Trong nhà có người nhận tiền rồi đưa cho H 01 gói ma túy đá có đặc điểm gói ngoài bằng túi nilon màu trắng mép túi viền màu xanh kích thước khoảng (1x1,5) cm bên trong là chất dạng tinh thể màu trắng. Sau khi nhận gói ma túy, kiểm tra và xác định đúng ma túy, H mang ra chỗ P đứng chờ nói “*Anh mua được rồi, đi về đi*”, P điều khiển xe mô tô chở H về nhà H để sử dụng. Khi cả hai về đến khu vực Công viên N thuộc phố T, phường T, thành phố N thì bị Tổ công tác Công an phường V, thành phố N phối hợp với Công an phường T, thành phố N làm nhiệm vụ phát hiện, yêu cầu P dừng xe để kiểm tra. Do sợ bị phát hiện H vất gói ma túy đá vừa mua xuống đường ngay tại vị trí bị cáo P dừng xe thì bị tổ công tác phát hiện, yêu cầu H nhặt gói vừa ném xuống giao nộp cho Tổ công tác và H khai nhận đó là ma túy đá vừa mua để về cùng sử dụng chung. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong gói ma túy đá bị cáo H vừa giao nộp trong phong bì thư dán kín theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó đưa H, P cùng vật chứng về trụ sở công an phường T, thành phố N tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Cân chất dạng tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo Đặng Như H, Trương Văn P có khối lượng 0,27 gam, ký hiệu M gửi đi giám định xác định loại ma túy, khối lượng ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 264 ngày 12/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, Kết luận: “Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2800 (không phẩy hai nghìn tám trăm) gam là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định gồm chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2234 gam là ma túy loại Methamphetamine, toàn bộ vỏ bao gói niêm phong được niêm phong trong phong bì theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì có ghi số 264/KLGD-PC09-MT.

Tại bản Cáo trạng số 158/CT-VKS ngày 04/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố các bị cáo Trương Văn P và Đặng Như H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trương Văn P và Đặng Như H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Trương Văn P và Đặng Như H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trương Văn P và Phạm Như H mỗi bị cáo tù 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 10/08/2019.

Áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn P và Đặng Như H không có ý kiến gì với Bản kết luận giám định; Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N; lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện công khai, hợp pháp đúng Pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn P và Đặng Như đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi cất giữ trái phép 0,28 gam ma túy loại Methamphetamine của bị cáo Trương Văn P và Đặng Như H với mục đích để sử dụng cho bản thân vào ngày 09/08/2019 đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp

với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như vật chứng đã thu giữ; kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người làm chứng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi nhưng không nhận thức được tác hại của ma túy mà lại đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, lần phạm tội này cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo.

Xét tính chất, vai trò, mức độ phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này do hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trương Văn P là người chủ động, khởi xướng việc đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo là người bỏ số tiền nhiều hơn và dùng phương tiện xe mô tô của mình đến nhà bị cáo H và rủ bị cáo H đi mua ma túy về sử dụng nên bị cáo giữ vai trò đầu vụ án, do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng mức án cao hơn bị cáo H. Bị cáo Đặng Như H sau khi thấy bị cáo P đến nhà và khởi xướng việc đi mua ma túy đã có sự đồng tình hưởng ứng và chủ động tích cực cùng đi mua ma túy với bị cáo Phong mặc dù bản thân không có tiền. Sau đó bị cáo H đã bảo P chở đi vay tiền góp mua ma túy, bị cáo là người trực tiếp vào mua ma túy sau đó đã cầm gói ma túy đã mua được nên bị cáo phải chịu mức án thấp hơn bị cáo P là phù hợp.

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo có một bản án đúng người đúng tội thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo Trương Văn P đã hai lần bị công an thị xã N (nay là Thành phố N) lập DCB về việc Tàng trữ trái phép chất ma túy và Vào cơ sở giáo dục vào năm 2002. Bị cáo còn bị Công an Thành phố N xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 185

ngày 25/07/2017. Tuy nhiên sau khi nhận Quyết định xử phạt từ đó cho đến nay bị cáo P không thi hành khoản tiền phạt nói trên. Thể hiện bị cáo coi thường Pháp luật. Đối với Bị cáo Đặng Như H, ngày 02/08/2017 Công an phường Nam T, Thành phố N, tỉnh N ra quyết định xử phạt vi hành chính, phạt cảnh cáo về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy”. Điều này thể hiện các bị cáo là người lười lao động, ham chơi đua đòi, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo buộc các bị cáo phải cách ly ra ngoài đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo để góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Trương Văn P và Đặng Như H tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, không mang mục đích vụ lợi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Các vấn đề khác:

- Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra cơ quan công an có thu giữ của các bị cáo 01 gói ma túy, sau khi trích một phần gửi đi giám định số mẫu vật còn lại có trọng lượng 0,2234g là ma túy loại Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu, đây là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo Đặng Như H khai mua ma túy của một người không quen biết tại một ngôi nhà cấp 4 ven đường Quốc lộ 10 có một ô cửa nhỏ, không có sổ nhà thuộc thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh N. H không biết người bán ma túy là nam hay nữ, không biết họ tên, tuổi địa chỉ của người này. Quá trình xác minh xác định tại ven Quốc lộ thuộc thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh N không có ngôi nhà nào có ô cửa nhỏ cạnh Quốc lộ, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra xác minh làm rõ.

- Về tài sản đã thu giữ: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen biển kiểm soát 35B1 - 222.03 đã thu giữ quá trình điều tra xác định là của bà Phan Thị V, sinh năm 1955, đăng ký nhân khẩu thường trú tại phố 12, phường V, thành phố N, là mẹ đẻ của bị cáo P, việc bị cáo P sử dụng chiếc xe mô tô trên đi

mua ma túy bà V không biết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà V là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với người có tên là H cho bị cáo H vay 50.000 đồng, bị cáo H khai không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể của người này, nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn P và Đặng Như H phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt:

Bị cáo Trương Văn P20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/08/2019.

Bị cáo Đặng Như H 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/08/2019.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu (02 phong bì thư niêm phong theo quy định của pháp luật).

(Vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa Công an Thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trương Văn P và Đặng Như H mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Ninh Bình;
- Chi Cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- THA hình sự
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Việt Thanh

